TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH PHÚ YÊN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13**/2020/HSPT

Ngày: 13/5/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Lê Ngọc Minh và ông Nguyễn Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Tám– Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo Cao Khắc Đ và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Cao Khắc Đ, sinh ngày 17/03/2002; tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Khắc T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 25/08/2017, bị Công an thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa xử phạt hành chính hình thức cảnh cáo về hành vi cố ý gây thương tích; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Đặng Văn T, sinh ngày 02/02/2001; tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: : Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn H (đã chết) và bà Hoàng Thị X, sinh năm 1971; tiền án,tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 08/08/2000; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: : Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Trương Thị M, sinh năm 1963; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. Đặng Quốc K, sinh năm 1993; tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: : Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng K, sinh năm 1965 và bà Võ Thị T, sinh năm 1969; có vợ Phạm Thị T, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

5. Phạm Văn A, sinh năm 1995; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: : Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Trương Thị M, sinh năm 1963; có vợ Lê Thị Kim N, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2017; tiền án,tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

6. Phạm Văn P, sinh năm 1995; tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: : Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh P; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1959 và bà Ngô Thị T, sinh năm 1961; có vợ Trương Thị N, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2014; tiền án,tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt .

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Cao Khắc Đ: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; là mẹ đẻ bị cáo Đô; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Văn T: Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; là mẹ đẻ của bị cáo Tiến; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn T: Bà Trương Thị M, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; là mẹ đẻ của bị cáo Trung; có mặt.

Người bào chữa của các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T và Phạm Văn T: Bà Trần Thị Như Thủy – Luật sư, Trợ giúp viên pháp lý do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên cử; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Đoàn Văn B và Nguyễn Văn P nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26/10/2017, Cao Khắc Đ, Phạm Văn T, Nguyễn Văn P ngồi trước nhà Đô tại Thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên. Đ thấy nhóm công nhân mỏ đá gồm Trần Đình G, Trần Đình P, Nguyễn Quốc T, Trần Chí L và Đặng Văn N vào quán của bà Hoàng Thị T đối diện nhà của Đ để chơi bida và uống bia. Đ nói với T và P: "*Đêm 25/10/2017, mấy công nhân mỏ đá đánh mấy anh trong xóm và thách cả làng, giờ qua đánh lại*". Nghe Đ nói, T và P đồng ý. Đ đến nhà anh trai là Cao Khắc N gặp N, Đặng Quốc K, Phạm Văn A, Phạm Trần X, Phạm Văn P. Đ cũng

nói câu nói như trên và rủ đi đánh nhóm bị hại. K đồng ý và nói "*Qua đánh giằn mặt*", A và P đồng ý, X không tham gia nên đi về, N say nên đi ngủ. Lúc này, P và T đi đến nhà N gặp Đ, K, A và P. Tất cả cùng thống nhất đến quán bà T đánh G, P, T, L và N. T gọi điện cho Đoàn Văn B nói "*Ra đánh mấy thằng mỏ đá hôm qua đánh cậu mày đang ở quán bà T*", B đồng ý, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78L1-099.38 của Nguyễn Thị L (chị ruột T) chở B đến nhà Đ, trên đường gặp Đặng Văn T, Tr rủ T "*Đi đánh mấy công nhân mỏ đá, vì hôm trước đánh mấy ông anh trong xóm và thách cả làng*", T đồng ý rồi chạy về lấy tuýp sắt dài 55 cm, đường kính 2,2 cm đến nhà Đ; K về nhà lấy dao, cán bằng gỗ dài 35,3 cm, đường kính 2,3 cm, phần lưỡi bằng sắt dài 32,5 cm, rộng 5cm; A về lấy rựa dài 83cm, cán gỗ dài 36,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 46,5 cm, đường kính 2 cm;P về lấy tuýp sắt dài 53,4 cm, đường kính dài 2 cm; Đ nhặt đoạn cây dài 87 cm, đường kính 4cm; T nhặt đoạn cây dài 86 cm, đường kính 4 cm; P nhặt đoạn cây dài 91 cm, đường kính 2,5 cm; B nhặt đoạn cây dài 61 cm, đường kính 3,3 cm.

Chuẩn bị hung khí xong, Đ, K, A, P,Tr, P, T và B tập trung trước nhà Đ thì gặp Nguyễn Trọng V và Lê Thanh M đến hỏi: Làm gì mà cầm dao, rựa thì Đ và K nói đánh nhóm thanh niên mỏ đá ở trong quán bà T. V và M nói để qua nói chuyện phải trái chứ đừng đánh nhau. V và M vào quán để nói chuyện thì K, A, Đ, T, P và T cùng xông vào quán bà T. Đ dùng cây đánh trúng một người bên cạnh bàn bida, rồi nhặt một trái bida ném trúng vào mặt một người đứng phía trong bàn bida, rồi dùng cây đánh N 02 trúng vào đầu; K dùng dao chém T 01 cái; A dùng rựa chém vào đầu N; P và T dùng cây đánh 02 – 03 cái trúng vào vùng tay và vai 02 bị hại khác nhau nhưng không xác định được bị hại nào; T dùng tuýp sắt đánh 01 bị hại nhưng không xác định được bị hại nào. Riêng P thấy Trần S là người làm chung mỏ đá, sợ biết mặt sẽ gây khó khăn cho việc làm nên cầm ống tuýp sắt đứng ngoài cổng quán bà T chờ bị hại nào ra đánh, B cũng cầm cây đứng trước cửa quán bà T chờ bị hại nào chạy ra thì đánh.

Ngày 03/11/2017 và ngày 09/11/2017 các bị hại Trần Đình P, Nguyễn Quốc T, Trần Chí L, Đặng Văn N, Trần Đình G có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Riêng bị hại Nguyễn Phú C chỉ bị đánh sưng mắt, nên từ chối giám định, không yêu cầu bồi thường và không yêu cầu xử lý hình sự.

Tại các bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 378, 379, 380, 381, 382 cùng ngày 15/12/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ thương tích của Trần Đình G là 38% do vật có cạnh sắc gây ra; Tỷ lệ thương tích của Trần Đình P là 02% do vật có cạnh sắc + vật có cạnh gây ra; Tỷ lệ thương tích của Trần Chí L là 10% do vật tày + có cạnh sắc gây ra; Tỷ lệ thương tích của Trần Quốc T là 10% do vật có cạnh sắc gây ra; Tỷ lệ thương tích của Đặng Văn N là 03% do vật có cạnh sắc + vật có cạnh gây ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2019/HS-ST ngày 03/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K phạm tội "Cố ý gây thương

tích". Áp dụng Điểm c, Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51; Điểm d, Khoản 1 Điều 52; Điều 90; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T và Phạm Văn T; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Văn T và Phạm Văn T; phạt các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T và Phạm Văn T mỗi bị cáo 03(ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s, Khoản 1, 2 Điều 51; Điểm d, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Quốc K, Phạm Văn A và Phạm Văn P; phạt bị cáo Đặng Quốc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Văn P mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần hình phạt đối với bị cáo Đoàn Văn B 01 (một) năm tù; Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù, cho các bị cáo B, P hưởng án treo; tuyên phần xử lývật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2019, bị cáo Phạm Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 10/10/2019, các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Quốc K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 15/10/2019, các bị cáo Phạm Văn A, Phạm Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 16/10/2019, bị cáo Cao Khắc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Người bào chữa cho các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, T, Tr.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356; Điểm c, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Cao Khắc Đ, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K; chấp nhận một phần kháng cáo – Sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Đặng Văn T một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các Bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K là những người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự; mặc dù không hề mâu thuẫn nhưng vì muốn đánh các bị hại, nên khoảng 18 giờ 30 phút ngày 26/10/2017, Cao Khắc Đ đề xướng vào quán bà Hoàng Thị T đối diện với nhà Đ, ở thôn Nguyên Xuân, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa để

đánh nhóm người bị hại gồm Trần Đình G, Trần Đình P Nguyễn Quốc T, Trần Chí L, Nguyễn Phú C và Đặng Văn N, tất cả đồng ý. Tr rủ Đoàn Văn B, Đặng Văn T cùng tham gia, T chuẩn bị tuýp sắt dài 55 cm, đường kính 2,2 cm; K chuẩn bị dao, cán bằng gỗ dài 35,3 cm, đường kính 2,3 cm, phần lưỡi bằng sắt dài 32,5 cm, rộng 5cm; A chuẩn bị rựa dài 83cm, cán gỗ dài 36,5 cm, lưỡi bằng kim loại dài 46,5 cm, đường kính 2 cm; P chuẩn bị tuýp sắt dài 53,4 cm, đường kính 2 cm; Đ chuẩn bị đoạn cây dài 87 cm, đường kính 4cm; Tr chuẩn bị đoạn cây dài 86 cm, đường kính 4 cm; P chuẩn bị đoạn cây dài 91 cm, đường kính 2,5 cm; B chuẩn bị đoạn cây dài 61 cm, đường kính 3,3 cm; sau khi tập trung tại nhà Đ; B, P đứng ngoài chặn các bị hại; còn Đ, T, Tr, K, A, P cầm hung khí đã chuẩn bị từ trước xông vào đánh Trần Đình Ggây thương tích, tỷ lệ 38%; Trần Đình P gây thương tích, tỷ lệ 02%; Trần Chí L gây thương tích, tỷ lệ 10%; Trần Quốc T gây thương tích, tỷ lệ 10%; Đặng Văn N gây thương tích, tỷ lệ 03%; nên Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án đồng phạm có thông mưu trước về tội phạm, có sự bàn bạc chuẩn bị hung khí để đi đánh nhau, không giới hạn về hậu quả; và khi xông vào quán của bà T để đánh các bị hại, thì trên tay của các bị cáo đều cầm hung khí, nên thể hiện ý thức tiếp thu ý chí của nhau trong việc sử dụng hung khí nguy hiểm, do đó hậu quả xảy ra đến đâu các bị cáo phải chịu chung đến đó; tuy thương tích của người bị hại dưới 61% nhưng các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm tại Điểm a, Khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự; vì vậy cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K về tội "Cố ý gây thương tích" theo Điểm c Khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của các bị hại trái pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xem xét chế định người chưa đủ 18 tuổi phạm tội đối với các bị cáo Đ, T, Tr; phân hóa vai trò phạm tội của từng bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà từng bị cáo phải chiu và được hưởng để phạt bị cáo Đặng Quốc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P mỗi bị cáo 03 (ba) năm tù, là đã có cân nhắc trong quyết định hình phạt. Do đó, các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn T, Phạm Văn A, Phạm Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, nhưng không có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, do đó Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giảm cho bị cáo Đặng Văn T một phần hình phạt là không có cơ sở, nên không chấp nhận. Đối với bị cáo Đặng Quốc K, sau khi xét xử sơ thẩm có lui tới thăm hỏi động viên và tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại Nguyễn Quốc T, là người mà bị cáo trực tiếp gây thương tích, nên gia đình bị hại có đơn tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, được chính quyền địa phương xác nhận, là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm; do đó chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[3] Các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đặng

Quốc K kháng cáo được chấp nhận, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Đối với các bị cáo Đoàn Văn B,Nguyễn Văn P, phạm tội có tính chất côn đồ, việc án sơ thẩm tuyên hình phạt tù, nhưng cho các bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp với hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên, các bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án có đồng phạm, với vai trò phạm tội không đáng kể, trong đó bị cáo Đoàn Văn B là người dưới 18 tuổi phạm tội; do đó án sơ thẩm đã cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo cũng là thỏa đáng, nên không cần thiết kiến nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P - Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ Điểm c, Khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đặng Quốc K - Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt;

Tuyên bố: Các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K phạm tội "Cố ý gây thương tích";

Áp dụng Điểm c Khoản 3 Điều 134; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm d, Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P, Đặng Quốc K; thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, Tr, A, P, K; thêm các Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, T, Tr.

Phạt:

- Bị cáo **Cao Khắc Đ - 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Đặng Văn T - 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Phạm Văn Tr- 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Phạm Văn A - 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Phạm Văn P - 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Đặng Quốc K - 03** (ba) **năm tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Cao Khắc Đ, Đặng Văn T, Phạm Văn Tr, Phạm Văn A, Phạm Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Đặng Quốc K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND huyện Sơn Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an huyện Sơn Hòa;
- PV 27;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia TT;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng